

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 154/2025/HS-PT
Ngày: 14 - 7 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2025/TLPT-HS, ngày 02/6/2025 đối với bị cáo Lương Đình Đ, về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST, ngày 15/4/2025, của Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk.

***Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Lương Đình Đ**, sinh năm 1999, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tổ dân phố D, phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đình H và bà Trần Thị Đ1; vợ Nguyễn Thị Thanh H1; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2024 đến ngày 25/01/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, hiện tại ngoại (vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Đình Đ là chủ cơ sở Hộ kinh doanh H2, địa chỉ số C, phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk, được Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã B1 cấp giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, mã số 8770473659-001, đăng ký lần đầu ngày 17/5/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/7/2023 ngành nghề kinh doanh Mua, bán, rang, xay, chế biến cà phê bột. Ban đầu Đ sản xuất cà phê bột với tỷ lệ 16kg cà phê rang trộn với 04kg đậu nành rang, sau đó Đ xay ra đóng gói mang sản phẩm đến Công ty cổ phần V, tại thành phố Hồ Chí Minh kiểm nghiệm, đạt kết quả hàm lượng caffeine là 1,52% và làm bản tự công bố sản phẩm thể hiện hàm lượng caffeine công bố là $\geq 1\%$, tự thiết kế đặt in vỏ bao bì thể hiện công bố chỉ tiêu chất lượng về hàm lượng caffeine là $\geq 1\%$ đối với các sản phẩm cà phê bột, gồm COFFEE H, vỏ bao bì màu Đen, vỏ bao bì màu Nâu và vỏ bao bì màu Đỏ (loại khối lượng 500g/gói) bắt đầu sản xuất bán ra thị trường với giá là 80.000 đồng – 100.000 đồng/kg tùy vào từng loại sản phẩm.

Cuối năm 2024, do giá cà phê nhân tăng cao, việc mua nguyên vật liệu (hạt cà phê) để rang, xay, chế biến cà phê bột bán ra thị trường không có lãi nên Đ đã thay đổi công thức sản xuất bằng cách cho 100kg đậu nành; 0,5 gram muối, 0,3kg hương cà phê bỏ vào cối rang, dùng củi để rang trong vòng 02 tiếng, Đ tự căn thời gian để biết đậu nành đã đủ độ chín, cho 04kg Caramel, 04kg bơ thực vật được cho vào từng chảo nấu nóng, sôi lên. Sau đó đưa tất cả hạt đậu nành đã rang, các nguyên liệu bơ, caramel nấu chảy vào cối trộn đều lên. Khi nguyên liệu đậu nành nguội được cho vào bao ủ tầm 3 đến 4 ngày, sau khi ủ xong thì tiến hành trộn với cà phê hạt để xay thành bột, xúc bột vào vỏ bao bì, dùng cân loại 02kg để cân trọng lượng mỗi gói (khối lượng 500g/gói). Cuối cùng dùng máy kết miệng bằng nhiệt ép miệng để may kín vỏ bao bì và dùng dấu để in ngày sản xuất lên vỏ bao bì. Với cách làm như trên, Đ đã sản xuất ra các loại cà phê bột giả, gồm: Đối với nhãn hiệu COFFEE H, vỏ bao bì màu Đen, tỷ lệ là 100kg đậu nành rang trộn với 3,5kg cà phê hạt rang; cà phê bột nhãn hiệu COFFEE H, vỏ bao bì màu Nâu, tỷ lệ là 100kg đậu nành rang trộn với 12,5kg cà phê hạt rang; cà phê bột nhãn hiệu COFFEE H, vỏ bao bì màu Đỏ, tỷ lệ là 100kg đậu nành rang trộn với 10kg cà phê hạt rang. Từ ngày 17/12/2024 đến ngày 20/12/2024, với công thức nêu trên, Đ đã tự sản xuất được 300 gói (tổng khối lượng 150kg) cà phê bột nhãn hiệu Coffee HLP H, vỏ bao bì màu nâu, khối lượng 500g/gói; 2.200 gói (tổng khối lượng 1.100kg) cà phê bột nhãn hiệu Coffee HLP H, vỏ bao bì màu đen, khối lượng 500g/gói; 520 gói (tổng khối lượng 260kg) cà phê bột nhãn hiệu Coffee H, vỏ bao bì màu đỏ, khối lượng 500g/gói.

Đến ngày 24/12/2024, Đ sử dụng xe ô tô bán tải, biển số 47C-308.XX chở 900kg các loại sản phẩm cà phê bột giả nêu trên mang đi bán, khi đến quán cà phê của ông Phạm Văn T, sinh năm 1976 tại Tổ dân phố G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, Đ vào giới thiệu và bán cho ông T 20 gói cà phê nhãn hiệu Coffee HLP H vỏ bao bì màu đen, có khối lượng 500g (tổng khối lượng 10kg), với số tiền 800.000 thì bị tổ công tác của Phòng C1 Công an tỉnh C1 kiểm tra phát hiện, lập biên bản tạm giữ 10 kg (20 gói) cà phê khi Đ vừa giao cho ông T. Kiểm tra xe ô tô bán tải biển số 47C-308.XX, Cơ quan Công an phát hiện, lập biên bản tạm giữ 220 gói cà phê bột HLP H vỏ bao bì màu nâu; 1.140 gói cà phê bột HLP H vỏ bao bì màu đen; 420 gói cà phê bột HLP H vỏ bao bì màu đỏ.

Khám xét xưởng sản xuất cà phê bột của Đ tại địa chỉ số C, phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk, tổ công tác phát hiện và thu giữ 610kg cà phê bột nhãn hiệu Coffee HLP H do Đ sản xuất ra trước đó để lưu kho, thu giữ gồm: 89 gói cà phê bột H vỏ bao bì màu nâu; 1.040 gói cà phê bột H vỏ bao bì màu đen; 100 gói cà phê bột H vỏ bao bì màu đỏ; 10 bao bên trong chứa hạt đậu màu vàng; 02 bao bên trong chứa hạt đậu màu đen; 03 thùng bơ thực vật; 01 bao muối; 02 can Caramel Color loại 30kg/can; 01 vỏ can màu trắng; 01 bao chứa đường 50kg; 03 thùng vỏ bao bì in nhãn hiệu Coffee H; 01 máy kít miệng bằng nhiệt; 01 cối xay; 01 cối trộn; 01 lò rang; 01 máng kim loại; 01 cân đồng hồ loại 02kg. Cơ quan Công an đã lập biên bản niêm phong tang vật theo quy định.

Tại Bản Kết luận giám định số 2829/KL-KTHS, ngày 27/12/2024 của Phân Viện khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: 07 mẫu chất bột màu nâu (trung cầu ghi: Mẫu cà phê bột) niêm phong trong các túi ni lông kí hiệu lần lượt là: HLPX01; HLPX02; HLPX03; HLPK01; HLPK02; HLPK03; HLPCH gửi đến giám định đều tìm thấy caffeine; hàm lượng caffeine trong từng mẫu lần lượt là 0,180%; 0,061%; 0,161%; 0,228%; 0,064%; 0,151%; 0,067%.

Hàm lượng caffeine trong các mẫu ký hiệu: HLPX01; HLPX02; HLPX03; HLPK01; HLPK02; HLPK03; HLPCH gửi đến giám định đều không đạt chỉ tiêu hàm lượng Caffeine, theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015 (Tiêu chuẩn quốc gia về cà phê bột, hàm lượng C (tính theo % khối lượng) không nhỏ hơn 1,0%).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG, ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Giá trị lô hàng cà phê bột gồm 3.020 gói cà phê bột (tổng khối lượng 1.510kg) có giá trị là 226.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST, ngày 15/4/2025, của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lương Đình Đ phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 193; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Đình Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2024 đến ngày 25/01/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/4/2025, bị cáo Lương Đình Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Mức hình phạt 05 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nào. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST, ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị cáo vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do nhập viện nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo.

[2] Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý để xác định: Trong thời gian từ ngày 17/12/2024 đến ngày 24/12/2024,

tại Cơ sở sản xuất cà phê bột 365A H, phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk, Lương Đình Đ đã thực hiện việc sản xuất cà phê bột giả có hàm lượng caffeine thấp hơn 1,0% theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015 (Tiêu chuẩn Quốc gia về cà phê bột, hàm lượng caffeine tính theo phần trăm khối lượng không nhỏ hơn 1,0%), không đúng với chất lượng theo như Bản tự công bố sản phẩm số 01/H/2023 ngày 25/10/2023, của Hộ kinh doanh cà phê bột H, do bị cáo làm chủ và không đúng với thông tin in trên mẫu bao bì của nhãn hiệu cà phê, nhằm bán ra thị trường để thu lợi bất chính. Ngày 24/12/2024, khi bị cáo điều khiển xe ô tô bán tải chở theo cà phê bột giả đến Tổ dân phố G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk bán thì bị Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện, xử lý. Tổng số lượng cà phê bột giả đã thu giữ được là 1.510kg, có giá trị tương đương hàng thật là 226.500.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Lương Đình Đ về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm*”, theo điểm g khoản 2 Điều 193 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt 05 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nhân thân của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nào. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Đình Đ.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST, ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lương Đình Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm – TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực M;
- VKSND Khu vực M;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (LLTP) ;
- Phòng THADS Khu vực M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuận